BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quốc Bảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Đào Xuân Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023)
Ông Lê Tiến Thủ	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Phát	Thành viên
Ông Phạm Đức Trọng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Thế Tài	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Thủ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2024)
Ông Phạm Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm cho tới ngày lập báo cáo tài chính này là ông Lê Tiến Thủ - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0400135552 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6
Q. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

Lê Tiến Thu
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2024

Số: 238 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sông Đà 6

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 6 năm 2024, từ trang 06 đến trang 33 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31 tháng 12 năm 2023, do đó, chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Bằng các thủ tục thay thế, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá tính hiện hữu của tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 332.727.187 VND, 446.299.592.094 VND và 44.933.002.327 VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

2. Tại ngày lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản công nợ tồn đọng đã quá hạn thanh toán (không bao gồm công nợ liên quan đến Tổng Công ty Sông Đà) với giá trị lần lượt khoảng 161,1 tỷ VND và 175,1 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để xác định được giá trị có thể thu hồi được đối với các khoản công nợ tồn đọng này. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến tính đầy đủ và chính xác của dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập và trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

3. Để kiểm tra tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản công nợ trình bày trên báo cáo tài chính, chúng tôi đã thực hiện chọn mẫu và gửi thư xác nhận độc lập, tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính đã được kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu/phải trả, các khoản vay và thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, cụ thể như sau:

   - *Phải thu khách hàng chưa xác nhận là 26.895.619.461 VND (Số đầu năm là 53.009.794.709 VND);*
   - *Người mua trả tiền trước chưa xác nhận là 6.424.959.950 VND (Số đầu năm là 13.902.309.681 VND);*
   - *Phải thu ngắn hạn khác chưa xác nhận là 2.332.466.294 VND (Số đầu năm là 2.332.466.294 VND);*
   - *Phải trả người bán chưa xác nhận là 43.254.657.412 VND (Số đầu năm là 48.775.528.718 VND);*
   - *Vay và nợ thuê tài chính chưa xác nhận là 4.704.363.10 VND (Số đầu năm là 4.488.620.726 VND)*
   - *Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước chưa xác nhận là 16.874.619.146 VND (Số đầu năm là 16.799.516.987 VND)*

   Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên, chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng về tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản công nợ nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến các khoản mục nói trên trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty hay không.

4. Lũy kế đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thực hiện xóa nợ phải trả, đồng thời, ghi nhận thu nhập khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các năm với số tiền lần lượt là 11.630.930.603 VND và 14.299.385.707 VND, trong đó, Công ty đã xóa nợ phải trả trong năm 2022 và năm 2023 với số tiền lần lượt là 6.673.965.827 VND và 2.668.455.104 VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết và thích hợp để có thể đánh giá được cơ sở hợp lý của các nghiệp vụ xoá nợ này. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản thu nhập khác đã ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các năm của Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính; Tại đó Công ty trình bày về khả năng hoạt động liên tục trong vòng 12 tháng tới.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính; Tại đó trình bày về việc đánh giá của Công ty liên quan đến các khoản phải thu thông qua Tổng Công ty Sông Đà.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán số 2.0255/23/TC-AC đề ngày 27 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại cho phù hợp, cụ thể tại Thuyết minh số 33 - Số liệu so sánh.

M.S.D.N: 0102546888 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chử Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2024

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2737-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**839.108.371.629**	**1.110.616.396.392**
I. Tiền	**110**	**4**	**4.794.564.307**	**10.139.927.513**
1. Tiền	111		4.794.564.307	10.139.927.513
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**378.338.121.908**	**473.518.513.551**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	402.821.155.696	495.595.992.241
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.007.135.060	1.051.775.138
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.023.325.660	10.351.840.679
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(34.513.494.508)	(33.481.094.507)
III. Hàng tồn kho	**140**	**9**	**446.299.592.094**	**619.136.932.787**
1. Hàng tồn kho	141		446.299.592.094	619.136.932.787
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**9.676.093.320**	**7.821.022.540**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.676.093.320	7.821.022.540
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**81.446.927.992**	**83.625.527.829**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**29.110.235.727**	**17.154.874.104**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	29.110.235.727	17.154.874.104
II. Tài sản cố định	**220**		**44.933.002.327**	**54.643.850.453**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	29.946.574.169	37.124.177.175
- Nguyên giá	*222*		*377.959.020.870*	*390.725.045.547*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(348.012.446.701)*	*(353.600.868.372)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	14.986.428.158	17.519.673.278
- Nguyên giá	*225*		*26.073.470.907*	*26.073.470.907*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		*(11.087.042.749)*	*(8.553.797.629)*
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5**	**1.444.696.217**	**1.444.084.315**
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.102.000.000	3.102.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.657.303.783)	(1.657.915.685)
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**5.958.993.721**	**10.382.718.957**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	5.958.993.721	10.382.718.957
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**920.555.299.621**	**1.194.241.924.220**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**742.456.533.688**	**856.200.317.763**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**742.356.533.688**	**856.150.317.763**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	137.842.360.076	171.268.509.272
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	96.509.179.650	149.664.560.769
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	55.539.763.652	51.668.478.207
4. Phải trả người lao động	314		18.095.399.593	24.301.500.473
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.397.995.810	3.619.477.001
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	163.290.586.512	182.349.084.534
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	268.677.073.714	272.884.425.826
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.174.681	394.281.681
II. Nợ dài hạn	**330**		**100.000.000**	**50.000.000**
1. Phải trả dài hạn khác	337		100.000.000	50.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**178.098.765.933**	**338.041.606.457**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**18**	**178.098.765.933**	**338.041.606.457**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		379.053.095.455	379.053.095.455
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*347.716.110.000*	*347.716.110.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		*31.336.985.455*	*31.336.985.455*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.802.853.978	76.802.853.978
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(277.757.183.500)	(117.814.342.976)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(117.814.342.976)*	*(103.274.139.304)*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*(159.942.840.525)*	*(14.540.203.671)*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**920.555.299.621**	**1.194.241.924.220**

Lê Tiến Thủ	**Nguyễn Văn Ngạn**	**Trần Ngọc Ánh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**150.804.142.269**	**203.063.871.915**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**21**	**150.804.142.269**	**203.063.871.915**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	254.312.451.690	156.477.658.268
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**(103.508.309.421)**	**46.586.213.647**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	636.286.633	1.203.940.596
7. Chi phí tài chính	22	25	34.198.235.255	28.656.966.343
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*34.087.456.725*	*27.635.593.704*
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	21.984.807.315	30.593.280.526
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**(159.055.065.358)**	**(11.460.092.626)**
11. Thu nhập khác	31	27	5.040.984.268	9.986.434.291
12. Chi phí khác	32	28	5.928.759.435	9.567.480.282
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(887.775.167)**	**418.954.009**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**(159.942.840.525)**	**(11.041.138.617)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	3.499.065.054
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**(159.942.840.525)**	**(14.540.203.671)**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(4.600)	(418)

Lê Tiến Thủ	**Nguyễn Văn Ngạn**	**Trần Ngọc Ánh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***(159.942.840.525)***	***(11.041.138.617)***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	9.702.325.415	11.903.665.092
Các khoản dự phòng	03	1.031.788.099	(621.596.590)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(617.042.648)	126.130.693
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.010.298.839)	(1.179.126.247)
Chi phí lãi vay	06	34.087.456.725	27.635.593.704
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***(117.748.611.773)***	***26.823.528.035***
(Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09	80.000.056.432	29.328.906.609
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	172.837.340.693	(9.175.977.389)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(132.782.929.993)	75.431.947.584
(Tăng) chi phí trả trước	12	4.423.725.236	(36.092.489.428)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.791.333.151)	(11.272.275.718)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.506.171)	(15.919.834.381)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(1.079.799.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(1.065.258.727)***	***58.044.006.312***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(4.977.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.018.821.550	1.566.089.090
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	627.168.182
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***2.018.821.550***	***(2.783.742.728)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	80.471.981.970	74.561.238.209
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(84.932.625.169)	(123.206.242.203)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.838.282.830)	(4.163.941.895)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(6.298.926.029)***	***(52.808.945.889)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(5.345.363.206)**	**2.451.317.695**
Tiền đầu năm	**60**	**10.139.927.513**	**7.688.609.818**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**4.794.564.307**	**10.139.927.513**

Lê Tiến Thủ	**Nguyễn Văn Ngạn**	**Trần Ngọc Ánh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2024